

Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi
Chương: 622; Loại: 073

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Phú, ngày 06 tháng 01 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	2.886.000.000	900.000.000		
I	Số thu phí, lệ phí	2.886.000.000	1.620.069.365		
I	Lệ phí				
	Học phí	2.326.000.000	1.620.000.000		
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Căn tin - Giữ xe	560.000.000	69.365		
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại		900.000.000		
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		900.000.000		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.932.000.000	6.178.526.000		
I	Nguồn ngân sách trong nước	28.932.000.000	6.178.526.000		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.932.000.000	6.178.526.000		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	23.664.000.000	5.839.862.000		
6000	Tiền lương		3.200.000.000		
1	Lương ngạch bậc		3.100.000.000		
51	Lương hợp đồng		50.000.000		
51	Khoản Bảo vệ - Phục vụ		50.000.000		
6100	Phụ cấp		1.259.808.000		
1	Chức vụ		27.000.000		
12	Ưu đãi		930.000.000		
13	Trách nhiệm		2.808.000		
15	Thâm niên		300.000.000		
6200	Phúc lợi tập thể		-		
99	Chi khác		-		
6300	Các khoản đóng góp		805.000.000		



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	BHXX 17,5%		600.000.000		
2	BHYY 3%		100.000.000		
3	KPCD 2%		70.000.000		
4	BHTN 1%		35.000.000		
6400	Thanh toán cá nhân		-		
6500	Dịch vụ công cộng		100.000.000		
1	Điện		90.000.000		
2	Nước		10.000.000		
6550	Vật tư văn phòng		135.000.000		
51	VPP		35.000.000		
52	Công cụ, DC văn phòng		50.000.000		
99	Vật tư Vp khác		50.000.000		
6600	Thông tin liên lạc		2.754.000		
01	Cước phí điện thoại		1.500.000		
05	Cước phí Internet		1.254.000		
49	Khác				
6650	Hội nghị		0		
6700	Công tác phí		4.500.000		
4	Khoản CTP		4.500.000		
6750	Chi phí thuê mướn		87.760.000		
51	Thuê phương tiện vận chuyển		20.000.000		
57	Thuê lao động trong nước		47.760.000		
99	Chi phí thuê mướn khác		20.000.000		
6900	Sửa chữa thường xuyên		80.000.000		
12	Thiết bị tin học		30.000.000		
49	Máy móc, thiết bị khác		50.000.000		
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên ôn		0		
56	Các thiết bị công nghệ thông tin				
7000	Chi phí NVCM		165.040.000		
04	Đồng phục, trang phục		5.040.000		
12	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		10.000.000		
49	Chi khác		150.000.000		
7050	Mua sắm tài sản vô hình		-		
7750	Chi khác		-		
7950	Chi lập quỹ của đơn vị		0		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.268.000.000	338.664.000		
6100	Phụ cấp		0		
6400	Các khoản thanh toán cá nhân		62.664.000		
49	Trợ cấp, phụ cấp khác		62.664.000		
	Nhà trọ		24.570.000		
	Hỗ trợ bảo vệ		3.600.000		
	Hỗ trợ phục vụ		1.500.000		
	Thạc sỹ		31.590.000		
	Thư viện		1.404.000		
6550	Vật tư văn phòng		-		
6750	Chi phí thuê mướn		-		
7000	Chi phí NVCM		-		
7750	Chi khác		276.000.000		
99	Tiền tết		276.000.000		
8000	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		-		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1/năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1/2025 nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
11	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Yên

An Phú, ngày 06 tháng 01 Năm 2025
 Thủ trưởng đơn vị
 (Chữ ký, dấu)

 Nguyễn Trung Toàn